LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 11

Cội nguồn tự tánh trí tuệ thông tỏ. Hình tướng thêm rõ, tĩnh trụ không não. Trong lặng, an lạc, rõ nghĩa giải thoát. Cõi ác đầy dẫy điên đảo, chấp ngã. Ưu khổ lan rộng, phiền não khó trừ. Cội rễ tai nạn, hình tướng khó định. Dòng thác phiền não, Như Lai hằng dứt. Nhân tự tánh ấy hiện bày khắp chốn. Thuận theo nghĩa lợi, căn bản gồm đủ. Lực dụng hóa độ mong đạt vô tận. Thảy đều tăng thêm tiến đến ích lợi. Cõi ý thông tỏ, dứt hết hý luận, phiền não, điên đảo dứt bỏ đúng phần. Nhân thiện Ba thừa dẫn dắt muôn loài. Pháp tánh chư Phật trong lặng, thanh tịnh. Tri kiến chân thật, các mạn không dấy. Tịch tĩnh thấu suốt các nẻo chướng ngại. Ngọn nguồn cõi mạn, giáo hóa dứt trừ. Trói buộc lắm loại, khuyên dạy chế ngự. Nơi cõi hữu tình, tùy thuận sinh khởi. Siêng năng quán tâm (đạt) thần túc thanh tịnh. Sám hối tội lỗi, thân tâm khinh an. Trí tuệ Phật đạo thông tỏ ba tánh. Cứu cánh chân thật (là) trí tuệ giác ngộ. Thắng nghĩa Như như, diệu giác tròn đầy. Thấu đạt chân tịnh (là) Ma-ha Bát-nhã. Phật, Đại trượng phu chế ngự muôn loài. Tịch tĩnh nương tựa, thích ứng rõ nghĩa. Phật đạo thanh tịnh, tột (là) Như Lai tánh. Trí tuệ thông tỏ tận cùng mọi lẽ. Nẻo ác tích tụ, lành thay gắng lìa! Thắng nghĩa thuận hợp, nghiệp tịnh viên mãn. Lìa bỏ trói buộc, sạch nhân khổ não. Thật ấy (sạch nhân khổ) mong đạt, quả báo không vướng. Trượng phu nhận rõ cội rễ điên đảo. Buông theo điên đảo (là) tà hạnh tận cùng, Gắn bó (với) gốc thiện tu học là vậy. Trói buộc tận cùng tự xem (như) nhà ruộng (tài sản). Là chốn chúng sinh phải nên bố thí. Quả báo (do) nghiệp ác (phải đi) ngược dòng mới dứt. Mười triền (của) năm cõi (ngăn che), tu phạm hạnh lìa. Hành, giải rộng khắp (là) lực dụng tự tánh. Lìa bỏ nghiệp dữ (đạt) sắc tướng thượng diệu. Tâm không hình chất, Niết-bàn vô tướng, hý luận mạn buộc (nhờ) văn, tu dứt trừ. Thân phần chân thật, hương thơm bay xa. Thông tỏ tăng thêm khắp mọi nơi chốn. Thảy mọi y báo (cũng đều) rõ chính như vậy. Mười nẻo thiện ấy, tịnh tuệ thông tỏ. Hành tướng cõi người, nơi chốn thù thắng. Sắc thể tột bậc, không thể hủy hoại. Khéo dạy chúng sinh tu thí viên mãn. Cõi ý khế hợp, thù thắng bất thoái. Phiền não, si mạn, oán đối dấy lên. Gồm cả trói buộc, chế ngự xa lìa. Là chốn cung kính thuận theo vương giả. Gốc tu thắng hạnh, lìa cõi xấu ác. Giáo hóa viên mãn tận cùng các chốn. Chín địa vô tướng, tùy chỗ chứng thuyết. Mười nẻo đường nghiệp, trí tuệ thông suốt. Cõi tánh chân thật bình đẳng, tận cùng. Thắng nghĩa tối tôn là pháp vô vi. Xa lìa si, mạn, hành động phát huy. Oan đối, điên đảo, số loại hàng trăm. Dòng thác dấy lên, chủng (tử) hiện (hành) vô tận.

Thế nào là hữu tình lìa quả báo ngạ quỷ?

Điên đảo, ngã mạn trói buộc triền miên, Cội rễ tịch tĩnh hợp lìa tùy lúc. Bố thí vô tướng mong đạt chân thật. Thuận theo bình đẳng, phước báo tăng trưởng. Sinh loại cõi người, vương giả trên hết.

Thế nào là gốc rễ các loại ngã mạn?

Trói buộc liên tục, chịu lấy khổ não. Trí tuệ yêu thích, ngôn ngữ diễn bày. Tự tánh tịch tĩnh (như) dứt bỏ độc dược. Nhân của bạn lành mong cầu khế hợp. Yêu thương, nuôi dưỡng, nơi chốn thù thắng. Xa lìa tạo nghiệp bao thứ đảo điên. Sân hận diễn lời, quả

báo gồm đủ. Bạn lành giúp đỡ, hành giải gắng công. Mong dứt phiền não, tự tại thuận hợp. Tự tánh tỏ ngộ cội rễ chân thật. Tu tập (nhờ) bạn bè, ngu yếu chuyển đổi. Nhân thắng viên mãn, bản tánh như thị. Thắng nghĩa phát sinh (là) cội rễ (của) giáo hóa. Tham trong phiền não cùng sinh ngã mạn. Bạn lành khéo giúp, nhân tịnh phát khởi. Nơi chốn đến, đi, bụi bặm dứt sạch. Bố thí rộng khắp, (đạt) thanh tịnh chân thật. Trói buộc trừ bỏ, dốc tu thêm tăng. Thắng hạnh phát sinh, an lạc chuyển khắp. Nhân duyên thiện diệu, đức nghiệp hợp ý. Ái lạc tĩnh trụ, lìa bỏ nhân nhiễm. Mười loại pháp thiện chuyển biến tận cùng. Bạn bè điên đảo, tự tánh đều dứt. Tự tánh thành tựu, chân thật trọn nên. Phật đạo giải thoát, chứng tánh chân như. Thắng nghĩa chân như, (là) chân thật viên mãn. (Ví như cõi) Trời ấy dứt khổ, như thật tận cùng. Tận cùng thù thắng, (là) hóa độ muôn loài. Giới pháp thanh tịnh, viên mãn vô tận. Trí lực Như Lai viên mãn bao la. Thuyết pháp chân thật, giới mốc vô cùng.

Thế nào là giáo hóa?

Phật là bạn lành. Nghiệp thiện vô lậu mười loại viên mãn.

Bồ-tát tu hạnh bố thí, Tôn giả Trang nghiêm hộ quốc bản sinh nghĩa thứ hai mươi bốn

Hợp nhất, tăng trưởng, nghĩa tánh Như Lai. Bi nguyện như vậy dốc tu vô tận. Đó là thấu đạt lời Bồ-tát dạy.

Thế nào là mong đạt hình tướng tịch tĩnh?

Thắng nghĩa cõi người (là đạt) cội rễ chân thật. Cõi tánh lớp lớp, căn bản theo loài. Ba loại vi diệu chế ngự ba nghiệp. Hình tướng nhiều loại như thể rừng che. Tu nhân thanh tịnh, thân phần tự tại. Đạo Phật bình đẳng, giống như cõi không. Lực dụng tạo tác chuyển biến không cùng. (Phiền não ví như) đất sinh độc dược, phước lực khá trừ. Chúng sinh tạo nhân bình đẳng viên mãn. Chi phần tạo tác thượng diệu tịch tĩnh. Giáo pháp từ bi cứu giúp muôn loài. Hành, giải tăng trưởng, tâm tu thanh tịnh. Ba loại bất thoái (là) gốc mọi chân thật. (Như) Mẹ hiền dạy trao dứt bỏ hý luận. Trí tuệ thông tỏ, nhận rõ tham dục. Hòa hợp như vậy, phiền não chướng diệt. Khắp mọi nơi chốn tu hạnh điều phục. Chúng sinh cõi người tâm cầu khó đạt. Thuận theo điên đảo, si độn trói buộc. Chế ngự, dẫn dắt thường xuyên gắng sức. Nhận rõ hý luận lớp lớp câu kết. Là chỗ tu thí, điều chân thật ấy, độc (dược) vọng (tưởng) không hại. Tất cả Phật tánh sáng tỏ không hai. Giải thoát đúng nghĩa, nghĩa lợi thuận hợp. Pháp lành thuận tịnh, hành giả nên gắng sức. Ngã mạn, tham, buộc, bất thiện che lấp: thân tâm, năm uẩn, tự tánh thanh tịnh. Thánh hiền thông tỏ, không tạo điên đảo. Thân thể thù thắng, ý vui tự tại. Cõi nước tươi đẹp, vô cùng trang nghiêm. Cõi chúng sinh rộng, tươi đẹp, như (cõi) trời. Nhân thắng phát sinh (đạt) tự tại vô biên. Tĩnh trụ chế ngự ngã mạn, si độn. Thân tướng càng lớn, chấp ngã càng gắn. Mức độ cao thấp phân thượng, trung, hạ. Là chốn Bồ-tát (tạo ra) hình tướng thanh tịnh. Tu tập tự tại. Nghĩa lợi thắng thừa. Thanh tịnh thuận hợp.

Như vua đủ sức sửa trị thù thắng. Thường không thay đổi. Tạo nhân tịch tĩnh, gánh vác cõi xa. Mong dứt hý luận, diệt hết ô tạp. Nơi chốn lần lượt phát khởi tịnh diệu. Tâm ý vui thích, an định vững vàng. Che chở muôn dân như mây phủ khắp. Lực dụng bố thí (đem lại) hình tướng hòa hợp. Là nơi bình đẳng, mọi vật quân phân. Lực lượng tự tại từ một biến khắp. Dứt sạch bụi nhơ, diệu dụng thông tỏ. Nơi chốn giáo hóa mong dứt kinh sợ. Hình tướng hợp nhất thành tựu nghiêm túc. Trí tuệ bao la, dưỡng nuôi gồm đủ. Là chốn thanh tịnh, hành giải tự tại. Xa lìa điên đảo, tịch tĩnh tăng trưởng. Dòng thác sâu

hiểm, sức cuốn rộng khắp. Chế ngự buộc che, ngăn dứt tăng dấy. Ái lạc đúng phần, mong đạt tịch tĩnh. Ý dấy kiêu, phóng, nẻo thiện mịt mờ. Bốn tướng phiền não chuyển biến cùng tận. Như vua tự tại, chế độ viên mãn. Là cõi Bồ-tát như (cõi) không, vô ngại.

Thế nào là thanh tướng lớn nhỏ ngăn ngại?

Thanh tịnh bố thí. Vương giả thành thật. Tâm Từ phát khởi, tinh thô chuyển đổi. Tịch tĩnh thắng nghĩa (là) an nhiên, yên tịnh. Thân, ngữ, ý tạo mười loại thiện, ác. Phân biệt đúng phần khắp mọi nơi chốn. Ba tánh giác ngộ (như) mẹ hiền nuôi con. Khéo biết tánh hạnh, cơm áo của con. Cũng như vị vua khéo trị cõi nước.

Thế nào là cõi tâm dứt ác, hý luận?

Sắc tướng tươi đẹp hòa hợp đáng yêu. Tai nạn chẳng có, hủy hoại chẳng sinh. Như gốc vô tướng, lực dụng hòa hợp. Năng dứt tham dục, sân hận, ngu si. Thuyết pháp chân thật, thuận theo tu học. Rõ nẻo sinh tử (trong) ba cõi chín địa. Biến đổi, qua lại, hơn kém không định. Bình đẳng, tịch tĩnh dứt các si mạn.

Thế nào là ba tranh, gốc của tham, sân, si?

Tạo nhân tranh cãi, chịu quả bần cùng. Tạo ngôn ngữ ấy phải nên tu tập. Thân tâm tự tại, gánh vác đúng thực. Trí tuệ thanh tịnh tỏ rõ Đại thừa. Các pháp cứu cánh diệu giác viên mãn. Đúng phần lâu dài, trải ba đại kiếp. Ruộng tâm tu thí, xứ an, tự tại. Hành, giải gồm đủ, rõ phiền não chướng. Nơi chốn thực hiện an tĩnh viên mãn. Tâm thường tuệ thí, hình tướng thân thuộc. Bản lai bất sinh, chẳng hề bị buộc. Tạo tác vật dụng thù diệu đáng quý, quy ngưỡng Thánh hiền, thượng diệu viên mãn. Thiên chủ Đế Thích, trí tuệ thù thắng. Tỏ rõ các loài (hữu tình) tâm hành các pháp. Như Lai ứng hiện diệu dụng bao la. Thắng nghĩa thâm diệu (là) thanh tịnh thuận hợp. Sắc tướng viên mãn, thọ mạng ổn định. Phiền não, dục tham ưu khổ chẳng dừng. Xa lìa si mạn, dốc tu tịnh diệu. Hý luận trọn nên (tạo) buộc che cùng tận. Khiến tâm bị hãm nơi hầm hố sâu. Nhận lấy cảnh khổ, nung đốt chẳng dừng. Dòng thác phiền não bủa vây cõi ý. Tự thể tươi lành, sắc tướng tịnh diệu. Thảy đều phát sinh khắp mọi nơi chốn. Lực dụng thuận hợp, sở học viên mãn. Phát khởi hướng cầu đạt "Vô sinh nhẫn". Tìm tòi rộng khắp, thù thắng cùng tận. Hóa độ bình đẳng, thanh tịnh gồm đủ. Dứt bỏ ngã mạn, bố thí chân thật. Thân, ngữ, ý hành phát khởi bố thí. Mười nẻo nghiệp ấy, tự tại tận cùng. Thuận hòa gồm đủ, thanh tịnh thêm tăng. Thánh trí thông tỏ giới mốc hữu vô. Hình tướng dài, ngắn rõ lẽ vô ngại. Gánh vác, bố thí, dứt điên đảo, mạn. Chủ tể tự tại, thể hiện khắp chốn. Ý thức hòa hợp gồm đủ ngã mạn. Gốc ấy (Mạn) buộc thể, các mạn lấp tánh. Có đủ si độn, điên đảo bỉ thử. Nhớ nghĩ thân, oán không lúc nào dừng. Khổ não, tội lỗi câu kết khó lìa. Phát khởi biến chuyển, tăng trưởng khắp cõi. Tự tánh Như Lai trí tỏ, thanh tịnh. Hành, giải chân thật, dẫn dạy muôn loài. Bố thí tịnh diệu vô biên xứ sở. Lìa bỏ, không (tạo) nhân dòng thác điên đảo. (Như) cõi nước (của) vua rộng, phép tắc nghiêm ngặt, Dung mạo thù thắng, thanh tịnh đáng yêu. Suy nghĩ, hành động như mẹ nuôi con. Tỏ ngộ chân thật, vi diệu sâu xa. Khiêm cung, thuận theo hạnh của cõi người. Nơi ở tự tại, tạo nhân tịnh hạnh. Sân hận tận cùng (là) chỗ đắm (của) kẻ ngu. Ba loại dòng thác, tham sân si (là) gốc. Thánh quả tối thượng y bát chẳng rời. Tự tánh thể hiện, đạo nghiệp thù thắng. Tánh như thành tựu, diệu lực phát sinh. Chân thật tận cùng, nơi chốn hợp ý. Tâm pháp hướng đạt, tỏ ngộ nhờ trí (tuệ), là chốn vương giả Thánh đức an định. Cõi nước an tĩnh dứt nhân hý luận. Nghĩa lý thích hợp, nhân thắng phát huy. Hủy diệt nơi chốn mạn, nhiễm, oan đối. Bố thí mong đạt thắng nghĩa tư duy. Suy kiệt (là) tên gọi (của) tạo tác sân hận. Ngã, ngã sở, nhận thức, suy tìm (đều) điên đảo, (phải nhờ) tịch

tĩnh điều phục chế ngự.

Thế nào là đúng lúc chủ thể ngạc nhiên nhận ra các nét phong phú, sắc bén, yếu kém của hý luận do ngã mạn tạo tác?

Dòng thác như thế rõ nghĩa nổi chìm. Nhân bố thí ấy cứu giúp nghèo khổ. Thiền định dứt trừ điên đảo cấu uế. Điều phục kiêu, phóng, bỉ ngã tự tại. Lực dụng thanh tịnh, hý luận không thể (dấy lên). Thắng giáo thanh tịnh dứt hết oán độc. Tu học hướng tiến mong đạt như vậy. Tánh của Như Lai thông tỏ viên mãn. Phiền não, điên đảo ngăn che tự tánh (chúng sinh). Cội rễ như thế (là từ) vô thỉ nhiều kiếp. Tánh sạch phiền não, chân thật như (cõi) không. Thanh tịnh chỉ dạy, hiểu biết chế ngự các mạn, kiêu, phóng. Tịnh thức "bất sinh" là tự tánh biến chuyển. Cõi dữ, ngu muội, chẳng nên hướng cầu. Thuận theo nhiễm, tranh, nhân buộc tăng thêm. Cõi người si độn, Thánh trí khó sinh. Giới hạnh thanh tịnh, giáo hóa thù thắng. Hành động hòa hợp, gốc của hạnh thí. Chân thật trọn đủ, lực dụng tự tại. Trí tuệ phát sinh, dứt sợ, chẳng mất. Cõi điên đảo ấy, giới luật chế ngự. Tối thượng, không mất, điều phục, thực hiện. Thân phần thuận theo nghĩa lợi lớn lao. Tánh của phiền não dấy tăng đều dứt. Căn bản nhân thắng, tự tại thuận hợp. Ham thích bố thí, hình tướng không mất. Nhân phiền não kia tạo nên chấp trước. Như bậc đại vương trị nước không minh. Sợ hãi thực sự, gốc của nhiễm, vọng. Tự tại, vô ngã, đủ lực thực hiện. Tu hạnh tịch tĩnh, nhân gốc bao đời. Thân phần chấp trước, thật khó cởi mở. Chân thật, bình đẳng, lưu chuyển không hoại. Cõi pháp nên hình, buộc che chúng sinh. Hý luận cấu uế, quấy lấp cõi sinh, nơi chốn chẳng có. Vô minh dấy khởi, chuyển biến lắm đường.

Diệu dụng Phật đạo thanh tịnh tự tại, là chốn vương giả Thánh đức phát huy. Tự tánh trí tuệ luôn luôn tỏa chiếu. Như ong tạo mật, cùng giúp nên công. Thánh trí thông tỏ, tịch tĩnh viên mãn. Ngôn ngữ phát sinh an lành, thuần khiết. Chúng sinh như thế (đủ cả) tịch tĩnh, nhiễm ô. Ngã chấp sâu dày (khiến) hữu tình sinh sợ. Gốc ý bình đẳng, hành nhân bố thí. Cứu cánh tận cùng (là) điều phục khắp chốn.

Thế nào là công dụng hình tướng tăng thêm?

Phương tiện hợp phần, thù thắng phát khởi. Nhân tánh vô biên lực dụng vô ngại. Tự tánh cõi ý vượt quá ngôn ngữ. Diện mạo biến động, mừng giận thay nhau. Nhân hành mong đạt, xưa nay như thế. Bồ-tát tự tại, hành theo giới luật. Dẫn dạy tạo nhân, phát sinh cùng tận. Chi phần (của) thể tánh gồm năm loại thức. Tánh duyên nhân gần, không lìa quả báo. Các chi chẳng mất, nhân tánh hòa hợp. Thông tỏ chân thật, tự tánh là thế. Đức hạnh ung dung, nghĩa (là) nhân tùy thuận. Thể tánh mờ tối, gốc do tâm nhiễm chi phần thanh tịnh, (tánh) vô phú, vô ký. Đó là tóm gọn về cõi ý, tự tánh, tám thức là thể, mười hai xứ phải nên điều phục.

Thế nào là các thứ nghĩa lợi đáng quý?

Tự tánh phát khởi tinh tấn tu tập. Trí đạt thông tỏ (là) gốc rễ của sự hóa độ. Tâm dấy si độn (tạo) dòng thác buộc che. Chấp ngã, cấu uế, nhiễm ô nêu rõ. Tu tập bố thí, thấu đạt tướng mạo. Tâm dấy ngã mạn trói buộc chúng sinh. Gốc thật (của) chấp ngã (là) không tu bố thí. Ba thừa giáo hóa, tự tại trùm khắp.

Thế nào là lành thay thông tỏ mọi lẽ?

Nhân của thâm diệu dứt sạch khổ não. Thuận hợp thắng nghĩa, gốc rễ tánh bày. Sân hận trùm khắp, tuệ giác khó sinh. Phạm hạnh năng lìa, nhân buộc bệnh hoạn.

Thế nào là tai chướng, điên đảo hiện bày?

Thế gian đạt được tự tánh thượng diệu. Phước nghiệp cõi trời, lực dụng thiện tịnh.

Hành, giải gồm đủ năm uẩn, danh sắc. Hình tướng thù thắng, tạo tác vô tận. Thanh tịnh điều phục, nghĩa lợi khéo bày. Lành thay tỏ ngộ thậm thâm vi diệu. Chế ngự thích đáng (các) hành tướng ngã chấp. Nhân thắng thành tựu, đạt quả vị Phật. Phước đức giải thoát, xuất thế trên hết. Cõi tánh tịnh diệu, căn bản (là) vô úy. Nhận thức thông đạt, Phật pháp thắng diệu. Thân tâm thanh tịnh, hành giải đủ lực. Ngoại cảnh thay đổi, lưu chuyển không mất. Trí tuệ sung mãn, tịch tĩnh vô sinh. Sám hối dứt nhiễm, điều phục là vậy. Các cõi trời ấy tịnh diệu hợp nhất. Nghiêm đẹp, chân thật tăng trưởng thuận hợp. Bi nguyện như vậy bao la vô tận. Nghĩa căn bản ấy viên mãn, thường trụ. Như Lai vi diệu viên mãn vô tận. Thánh quả Thanh văn giải thoát sinh tử. Cõi ý thanh tịnh, mười pháp tu học (hoàn tất). Thắng nghĩa phát sinh, hướng đạt cứu cánh. Hạnh của Bồ-tát, vi diệu sâu xa. Chúng sinh còn đủ các phiền não, chướng. Si độn, ngã mạn, hạnh của cõi người. Lực dụng chân thật tỏ ngộ, lìa bỏ. Phiền não ngăn thể (tánh) rõ loại căn – tùy (phiền não). Hai mươi sáu pháp, Ba thừa cùng dứt.

Bồ-tát tu hạnh bố thí, Tôn giả Trang nghiêm hộ quốc bản sinh nghĩa thứ hai mươi lăm.

❑